**Nội quy ký túc xá Trường Đại học CNTT & Truyền thông Việt - Hàn (VKU)**

**Thời gian ra vào**: 05h00 – 23h00 hàng ngày.  
**Nộp phí**: Sinh viên phải nộp đầy đủ các khoản phí KTX, điện, nước đúng thời hạn.  
**Trang phục và sinh hoạt**: Trang phục lịch sự, gọn gàng; không chơi thể thao trong phòng; không leo trèo, ngồi ban công; sử dụng điện nước an toàn, tiết kiệm.  
**Cơ sở vật chất**:

* Cấm đun nấu, mang thiết bị nấu ăn vào phòng.
* Cấm sử dụng tủ lạnh trong phòng.
* Không tự ý thay đổi cấu trúc hoặc di chuyển tài sản.
* Không bật đèn sau 23h00.

**An ninh – Trật tự**:

* Cấm đưa người ngoài vào khu nội trú.
* Cấm tàng trữ hung khí, chất kích thích, văn hóa phẩm đồi trụy.
* Cấm hút thuốc, uống rượu, đánh bài, cá độ.
* Cấm sinh hoạt tôn giáo trong KTX.

**Vệ sinh**:

* Giữ vệ sinh khuôn viên, hành lang, phòng ở.
* Không nuôi gia súc, gia cầm trong KTX.
* Đổ rác đúng nơi, đúng thời gian từ 18h hôm nay đến 07h ngày hôm sau.

**Các lỗi vi phạm nghiêm trọng (có thể bị mời ra khỏi KTX)**:

* Trộm cắp, gây gổ đánh nhau, tàng trữ ma túy, mang tủ lạnh, tụ tập uống rượu, sinh viên nam/nữ vào phòng nhau sau 21h, đưa người lạ vào ở không khai báo, ở quá hạn hợp đồng.
* Vi phạm nhiều lần sẽ không được xét ở KTX trong các năm tiếp theo.

**Quy chế đào tạo đại học – Trường Đại học CNTT & Truyền thông Việt – Hàn (VKU)**

**1. Thời gian và hình thức đào tạo**

* VKU áp dụng hình thức đào tạo theo tín chỉ.
* Thời gian học tối đa để hoàn thành chương trình:
  + Cử nhân: không quá 6 năm.
  + Kỹ sư: không quá 7 năm.
  + Sinh viên liên thông: thời gian tối đa được giảm tương ứng với số tín chỉ được miễn.
* Mỗi năm học có 2–3 học kỳ chính và có thể có học kỳ phụ. Mỗi học kỳ chính kéo dài tối thiểu 15 tuần học.

**2. Đăng ký và khối lượng học tập**

* Trước mỗi học kỳ ít nhất 2 tuần, sinh viên đăng ký môn học online theo lịch trường công bố.
* Mỗi học kỳ chính: đăng ký từ 14–24 tín chỉ (có thể ít hơn nếu gần tốt nghiệp).
* Học kỳ phụ không giới hạn tối thiểu.
* Sinh viên có thể học lại hoặc học cải thiện điểm, điểm cao nhất được tính vào GPA.

**3. Cách đánh giá và tính điểm**

* Mỗi học phần có ít nhất 2 điểm thành phần.
* Hệ điểm 10 được chuyển sang thang điểm 4, cụ thể:
  + A (8.5–10): 4
  + B (7.0–8.4): 3
  + C (5.5–6.9): 2
  + D (4.0–5.4): 1
  + F (dưới 4.0): 0
* Ngoài ra còn có các điểm P (đạt không phân loại), I (hoãn thi), R (miễn học), X (thiếu dữ liệu).
* GPA = (Tổng điểm x tín chỉ) / Tổng số tín chỉ, làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

**4. Xếp loại học lực theo GPA**

* Xuất sắc: 3.60 – 4.00
* Giỏi: 3.20 – 3.59
* Khá: 2.50 – 3.19
* Trung bình: 2.00 – 2.49
* Yếu: 1.00 – 1.99
* Kém: Dưới 1.00

**5. Cảnh báo học tập và buộc thôi học**

* Cảnh báo nếu GPA học kỳ < 0.8 (học kỳ đầu) hoặc < 1.0 (các kỳ sau); GPA tích lũy < 1.2 (năm nhất), < 1.4 (năm hai), < 1.6 (năm ba), < 1.8 (năm cuối).
* Buộc thôi học nếu bị cảnh báo quá 4 lần hoặc 2 kỳ liên tiếp; không đăng ký môn nào trong học kỳ chính; toàn bộ môn thi có điểm 0; học quá thời gian quy định.

**6. Tốt nghiệp**  
Sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu:

* Hoàn tất chương trình đào tạo, tích lũy đủ tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra.
* GPA toàn khóa từ 2.00 trở lên.
* Không bị kỷ luật đình chỉ học, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
* Hoàn thành nghĩa vụ tài chính.
* Nếu muốn hoãn xét tốt nghiệp để nâng điểm, sinh viên phải làm đơn trong vòng 1 tuần sau bảo vệ khóa luận.

**7. Hạng tốt nghiệp**

* Căn cứ vào GPA tích lũy.
* Sinh viên xếp loại Giỏi hoặc Xuất sắc có thể bị hạ 1 bậc nếu:
  + Số tín chỉ học lại > 5% toàn chương trình.
  + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

**8. Chuyển ngành, chuyển trường**  
Sinh viên có thể xin chuyển ngành, trường nếu:

* Không ở năm nhất hoặc năm cuối.
* Không nằm trong diện bị buộc thôi học.
* Ngành chuyển đến còn chỉ tiêu và nằm trong năng lực đào tạo của trường.

**9. Học song ngành và học liên thông**

* Học song ngành được phép từ năm hai nếu GPA ≥ 2.0 hoặc ≥ 2.5 tùy theo điều kiện ngành thứ hai.
* Khi học song ngành, sinh viên phải đăng ký ít nhất 2 năm trước thời điểm xét tốt nghiệp chương trình thứ hai.
* Người đã tốt nghiệp có thể học liên thông để nhận bằng thứ hai nếu ngành đào tạo đủ điều kiện.

**Quy định thi cử – đánh giá kết thúc học phần tại VKU**

**1. Tổ chức thi kết thúc học phần**

* Mỗi học kỳ chỉ có 1 kỳ thi kết thúc học phần. Không tổ chức thi phụ, trừ trường hợp thiên tai, dịch bệnh hoặc lý do đặc biệt được Hiệu trưởng cho phép.
* Tất cả các lớp học phần cùng môn sẽ thi chung một đề (nếu có thể), đảm bảo công bằng.
* Thi có thể tổ chức trực tiếp tại trường hoặc trực tuyến (tối đa 30% khối lượng chương trình học), đảm bảo các tiêu chí chất lượng.

**2. Các hình thức thi**

* Tự luận.
* Trắc nghiệm.
* Vấn đáp (trực tiếp hoặc đồ án môn học).
* Thực hành.
* Kết hợp nhiều hình thức.
* Báo cáo thực tập, đồ án, bài tập lớn.

**3. Quy định về đề thi**

* Đề thi phải đánh giá đầy đủ mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần.
* Thời gian làm bài:
  + Tự luận, trắc nghiệm: 50 – 75 phút.
  + Thực hành: 30 – 75 phút.
  + Vấn đáp trực tiếp: 7 – 10 phút/đề.
  + Đồ án: ít nhất 10 phút/bài.
* Số đề thi tối thiểu/môn:
  + Giấy: ít nhất 3 đề/suất thi.
  + Máy chấm tự động: ít nhất 2 đề.
  + Vấn đáp: ít nhất 10 đề/01 tín chỉ.

**4. Quy trình tổ chức thi**

* Lịch thi công bố ít nhất 15 ngày trước ngày thi.
* Danh sách sinh viên được dự thi được cập nhật từ hệ thống quản lý đào tạo.
* Sinh viên chưa đóng học phí sẽ không được dự thi.
* Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng giáo dục là đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thi, nhân bản đề, lưu trữ bài thi và toàn bộ quy trình thi.

**5. Chấm thi và công bố điểm**

* Sau thi, giảng viên nhập điểm lên hệ thống và nộp bảng điểm cho Phòng Khảo thí.
* Các học phần thực hành, thực tập hoặc đồ án phải được chấm theo rubric rõ ràng.
* Điểm thi được công bố chính thức sau khi xử lý, phúc khảo (nếu có) theo quy định.

**6. Học lại, cải thiện điểm**

* Sinh viên không đạt học phần (điểm <4.0) phải học lại cùng học phần, học phần tương đương hoặc thay thế.
* Sinh viên đạt điểm rồi nhưng muốn nâng điểm có thể học lại, điểm cao nhất sẽ được dùng làm điểm chính thức của môn đó.

**7. Bảo lưu, chuyển đổi tín chỉ và học tạm dừng**

* Sinh viên có thể bảo lưu kết quả học tập đã đạt trong vòng 2 năm sau khi thôi học. Số tín chỉ được bảo lưu không quá 50% tổng khối lượng chương trình.
* Sinh viên được phép xin nghỉ học tạm thời nếu:
  + Bị bệnh nặng, thai sản (có giấy chứng nhận).
  + Được điều động tham gia thi đấu quốc gia/quốc tế.
  + Vì lý do cá nhân sau khi đã học tối thiểu 1 kỳ.
* Sinh viên phải xin trở lại học ít nhất 2 tuần trước kỳ tiếp theo. Nếu không nộp đơn đúng hạn sẽ bị xem như bỏ học và bị buộc thôi học.

**8. Công nhận tín chỉ từ nơi khác**

* Tín chỉ đã học ở các chương trình, ngành khác hoặc trường khác có thể được công nhận nếu:
  + Có nội dung giống ≥80%.
  + Số tín chỉ tương đương hoặc lớn hơn.
  + Không vượt quá 50% tổng số tín chỉ toàn chương trình.
* Việc công nhận được thực hiện theo từng học phần, nhóm học phần hoặc toàn bộ chương trình.

**9. Đổi ngành, đổi trường, đổi hình thức học**

* Sinh viên được chuyển ngành, trường hoặc hình thức đào tạo nếu:
  + Không ở năm nhất hoặc năm cuối.
  + Không thuộc diện cảnh báo hoặc bị buộc thôi học.
  + Ngành hoặc trường chuyển đến còn chỉ tiêu và đảm bảo năng lực đào tạo.

**10. Học cùng lúc hai chương trình**

* Được đăng ký từ năm 2 nếu đạt loại khá trở lên (hoặc trung bình nếu đủ điều kiện trúng tuyển ngành thứ hai).
* Sinh viên chỉ được tốt nghiệp chương trình thứ hai nếu đã đủ điều kiện tốt nghiệp chương trình thứ nhất.
* Phải đăng ký học chương trình thứ hai ít nhất 2 năm trước khi xét tốt nghiệp.

**Quy định xử lý vi phạm, đồ án tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp và các nội dung khác tại VKU**

**1. Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp**

* Thực hiện vào học kỳ cuối của khóa học, có trong chương trình đào tạo.
* Điều kiện được giao đề tài:
  + Chưa nợ quá 10 tín chỉ (kỹ sư) hoặc 8 tín chỉ (cử nhân).
  + Đã học đủ các học phần (trừ học kỳ cuối).
  + Không bị đình chỉ học tập, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
  + Hoàn thành nghĩa vụ tài chính.
* Điểm đồ án được tính bằng trung bình có trọng số:
  + Giảng viên hướng dẫn: 30%
  + Giảng viên phản biện: 20%
  + Các thành viên hội đồng: 50%
* Có thể tổ chức bảo vệ và chấm đồ án trực tuyến nếu đủ điều kiện.

**2. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng**

* Sinh viên được xét tốt nghiệp nếu:
  + Hoàn thành toàn bộ học phần, đạt chuẩn đầu ra, tích lũy đủ tín chỉ.
  + GPA toàn khóa ≥ 2.00 (thang điểm 4).
  + Không bị đình chỉ học hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.
  + Hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ tài chính.
* Nếu muốn hoãn xét tốt nghiệp để học cải thiện điểm, sinh viên phải làm đơn trong vòng 1 tuần sau khi bảo vệ đồ án.
* Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng thành lập, căn cứ kết quả để ra quyết định công nhận và cấp bằng tốt nghiệp.

**3. Xếp hạng tốt nghiệp**

* Xếp loại dựa trên GPA tích lũy toàn khóa:
  + Xuất sắc: 3.60 – 4.00
  + Giỏi: 3.20 – 3.59
  + Khá: 2.50 – 3.19
  + Trung bình: 2.00 – 2.49
* Sinh viên bị giảm 1 bậc nếu:
  + Số tín chỉ học lại > 5% tổng tín chỉ chương trình.
  + Bị kỷ luật mức cảnh cáo trở lên.

**4. Bảo lưu, chuyển đổi kết quả học tập**

* Sinh viên không tốt nghiệp được cấp chứng nhận kết quả học phần đã tích lũy.
* Trường hợp học quá thời gian tối đa có thể chuyển sang hình thức “vừa học vừa làm” (nếu có chương trình tương ứng).
* Kết quả học phần từ chương trình khác có thể chuyển đổi nếu được Hội đồng chuyên môn của trường xét duyệt, với điều kiện:
  + Nội dung tương đương.
  + Không vượt quá 50% tổng số tín chỉ của chương trình mới.

**5. Tạm ngừng và thôi học**

* Sinh viên có thể tạm nghỉ học nếu:
  + Bị bệnh, thai sản, điều trị dài hạn (có giấy tờ y tế).
  + Bị điều động đi nghĩa vụ, thi đấu quốc gia/quốc tế.
  + Lý do cá nhân (đã học ít nhất 1 học kỳ).
* Trước khi hết thời gian nghỉ, sinh viên phải làm đơn xin học lại hoặc gia hạn. Nếu không, sẽ bị xem là tự ý bỏ học và bị buộc thôi học.
* Sinh viên xin thôi học sẽ không được công nhận kết quả đã tích lũy nếu quay lại học sau.

**6. Kỷ luật sinh viên**

* Sử dụng hồ sơ, văn bằng giả: buộc thôi học, thu hồi bằng nếu đã cấp.
* Thi hộ, gian lận thi cử: xử lý theo quy định riêng về tổ chức thi.
* Không đóng học phí đúng hạn: bị đình chỉ thi, hủy kết quả đăng ký môn học và điểm.

**7. Tổ chức, kiểm tra và giám sát việc thi**

* Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục chịu trách nhiệm toàn bộ quy trình:
  + Lập lịch thi.
  + Quản lý ngân hàng đề.
  + Nhân bản đề thi.
  + Lưu trữ bài thi, xử lý phản hồi.
* Các khoa tổ chức ra đề, phân công giảng viên coi/chấm thi, nộp điểm theo đúng thời hạn.
* Đề thi phải phù hợp với nội dung môn học, có trọng số đánh giá rõ ràng, đảm bảo thời gian thi theo tín chỉ:
  + Tự luận: ≥25 phút/tín chỉ.
  + Trắc nghiệm: 25–80 câu/đề, tối thiểu 50 phút.
  + Thực hành: ≥15 phút/tín chỉ.
  + Vấn đáp: 7–10 phút/đề.

**8. Các quy định khác**

* Việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về học phần là bắt buộc, giúp cải tiến chất lượng đào tạo.
* Thời khóa biểu học từ thứ 2 đến thứ 7, thời gian từ 06h00–20h00, có thể mở lớp linh hoạt tùy tình hình thực tế.
* Lớp học phần sẽ không tổ chức nếu dưới số lượng sinh viên tối thiểu:
  + Học kỳ chính: ≥40 SV (≥35 SV đối với học phần ngoại ngữ).
  + Học kỳ phụ: ≥20 SV (trừ khi Hiệu trưởng cho phép mở lớp nhỏ hơn).
* **Tổng quan tuyển sinh và việc làm sinh viên VKU (cập nhật năm 2024)**
* **Mã trường:** VKU  
  **Tên trường:** Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn, Đại học Đà Nẵng  
  **Địa chỉ:** Khu Đô thị Đại học, P. Hòa Quý, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng  
  **Website:** <https://www.vku.udn.vn>  
  **Tuyển sinh:** Toàn quốc  
  **Điện thoại liên hệ:** 0236 655 2688
* **📌 Tình hình sinh viên tốt nghiệp và việc làm theo ngành (năm liền kề trước 2024)**

| **Ngành đào tạo** | **Trình độ** | **Chỉ tiêu tuyển sinh** | **Số SV nhập học** | **Số SV tốt nghiệp** | **Tỉ lệ SV có việc làm** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Quản trị kinh doanh | Đại học | 80 | 70 | 26 | 94,1% |
| Công nghệ kỹ thuật máy tính | Đại học | 50 | 24 | 04 | 100% |
| Công nghệ Thông tin | Đại học | 100 | 161 | 80 | 94,44% |
| **Tổng cộng** | — | **230** | **255** | **110** | — |

* ⏱️ **Thời gian khảo sát việc làm:** Trong vòng 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp.
* 📌 **Nguồn dữ liệu:** <https://vku.udn.vn/cong-khai-nam-hoc>

**Phương thức tuyển sinh tại VKU năm 2024 (áp dụng cho tất cả ngành)**

VKU xét tuyển đại học chính quy năm 2024 theo **05 phương thức**:

**📌 Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT**

* Đối tượng: Thí sinh đoạt giải trong các kỳ thi HSG Quốc gia, thi tay nghề khu vực/quốc tế, Olympic, khoa học kỹ thuật,...
* Điểm quy đổi: 240 – 300 (thang 300).
* Chỉ tiêu dự kiến: từ 1–6 chỉ tiêu/ngành.

**📌 Phương thức 2: Xét tuyển thẳng theo đề án riêng của trường (Tuyển sinh riêng)**

* Gồm 8 nhóm đối tượng như:
  + Học sinh chuyên có điểm trung bình chuyên ≥ 8.0 (lớp 10 và 11).
  + Học sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IELTS ≥ 5.0, TOEFL iBT ≥ 45, TOEIC ≥ 600).
  + Học sinh giỏi 2 năm liền.
  + Giải HSG tỉnh/thành, Olympic 30/4, giải thể thao – văn nghệ,...
* Điểm quy đổi: 240 – 300 (thang 300).
* Chỉ tiêu dao động: 6–64 chỉ tiêu/ngành tùy chuyên ngành.

**📌 Phương thức 3: Xét học bạ THPT**

* Điểm xét tuyển = Tổng điểm trung bình lớp 10, 11, HK1 lớp 12 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển.
* Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: **từ 15 điểm trở lên** (bao gồm cả ưu tiên).
* Môn chính ưu tiên xét tuyển: **Toán**.
* Chỉ tiêu cao nhất: đến **106 chỉ tiêu/ngành** (VD: Công nghệ thông tin – Kỹ sư).

**📌 Phương thức 4: Xét kết quả kỳ thi đánh giá năng lực ĐHQG TP.HCM**

* Điểm chuẩn tối thiểu: **600 điểm**.
* Chỉ tiêu dao động: từ **1–16 chỉ tiêu/ngành**.

**📌 Phương thức 5: Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT**

* Điểm xét tuyển = Tổng điểm 3 môn trong tổ hợp + ưu tiên.
* Ngưỡng đảm bảo chất lượng: **≥15 điểm** (gồm cả điểm ưu tiên).
* Môn chính ưu tiên: **Toán**.
* Chỉ tiêu nhiều nhất: **128 chỉ tiêu/ngành**.

| **Tên ngành** | **Mã ngành** | **Trình độ** | **Một số chuyên ngành** | **Tổ hợp xét tuyển** | **Điểm chuẩn tham khảo 2023** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Quản trị kinh doanh | 7340101 | ĐH | Logistics, Marketing, Tài chính số, Dự án CNTT | A00, A01, D01, D90, D07 | 22 – 26 |
| Marketing | 7340115 | ĐH | — | A00, A01, D01, D07 | 23 – 25.5 |
| Công nghệ kỹ thuật máy tính | 7480108 | ĐH | Thiết kế vi mạch bán dẫn | A00, A01, D01, D90, D07 | 23 – 24 |
| Công nghệ thông tin | 7480201 | ĐH | CNTT hợp tác DN, Thiết kế mỹ thuật số, Mạng & ATTT | A00, A01, D01, D90, D07 | 23 – 25.5 |
| Trí tuệ nhân tạo | 7480107 | ĐH | — | A00, A01, D01, D90, D07 | 24 – 25.01 |
| An toàn thông tin | 7480202 | ĐH | — | A00, A01, D01, D90, D07 | 23 – 24 |
| Công nghệ truyền thông | 7320106 | ĐH | Thiết kế mỹ thuật số | A00, A01, D01, D90, D07 | 23 – 25 |

**Tổ hợp môn xét tuyển phổ biến**:

* A00 (Toán, Lý, Hóa)
* A01 (Toán, Lý, Anh)
* D01 (Toán, Văn, Anh)
* D07 (Toán, Hóa, Anh)
* D90 (Toán, KH tự nhiên, Anh)

**Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào năm 2024**

| **Phương thức** | **Điều kiện xét tuyển tối thiểu** |
| --- | --- |
| Xét học bạ | Tổng điểm tổ hợp ≥ 15 điểm (gồm điểm ưu tiên) |
| Xét thi tốt nghiệp THPT | Tổng điểm tổ hợp ≥ 15 điểm (gồm điểm ưu tiên) |
| Xét ĐGNL (ĐHQG TP.HCM) | Điểm thi ĐGNL ≥ 600 |
| Tuyển sinh riêng | Điểm học tập THPT trong tổ hợp ≥ 21 điểm (không tính ưu tiên) |

**Một số nguyên tắc xét tuyển quan trọng**

* **Ưu tiên nguyện vọng**: thí sinh chỉ trúng tuyển nguyện vọng cao nhất đủ điều kiện.
* **Ưu tiên môn Toán** nếu nhiều thí sinh đồng điểm.
* **Không phân biệt tổ hợp**, điểm chuẩn giữa các tổ hợp bằng nhau.
* **Thí sinh không cung cấp minh chứng ưu tiên sẽ không được cộng điểm.**

**1. Ngành Quản trị kinh doanh (mã ngành: 7340101)**

| **Phương thức** | **Năm** | **Tổ hợp** | **Điểm trúng tuyển** |
| --- | --- | --- | --- |
| THPT | 2022 | A00, A01, D01, D90 | 24 |
| THPT | 2023 | A00, A01, D01, D90 | 23 |
| Học bạ | 2022 | A00, A01, D01, D07 | 24 |
| Học bạ | 2023 | A00, A01, D01, D07 | 24.5 |
| ĐGNL | 2022 | — | 600 |
| ĐGNL | 2023 | — | 650 |

**2. Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng số (7340101EL)**

| **Phương thức** | **Năm** | **Tổ hợp** | **Điểm trúng tuyển** |
| --- | --- | --- | --- |
| THPT | 2022 | A00, A01, D01, D90 | 25 |
| THPT | 2023 | A00, A01, D01, D90 | 23 |
| Học bạ | 2022 | A00, A01, D01, D07 | 25 |
| Học bạ | 2023 | A00, A01, D01, D07 | 26 |
| ĐGNL | 2022 | — | 600 |
| ĐGNL | 2023 | — | 650 |

3. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số (7340101ET)

| **Phương thức** | **Năm** | **Tổ hợp** | **Điểm trúng tuyển** |
| --- | --- | --- | --- |
| THPT | 2022 | A00, A01, D01, D90 | 25 |
| THPT | 2023 | A00, A01, D01, D90 | 22.5 |
| Học bạ | 2022 | A00, A01, D01, D07 | 23 |
| Học bạ | 2023 | A00, A01, D01, D07 | 25 |
| ĐGNL | 2022 | — | 600 |
| ĐGNL | 2023 | — | 650 |

4. Marketing kỹ thuật số (7340115)

| **Phương thức** | **Năm** | **Tổ hợp** | **Điểm trúng tuyển** |
| --- | --- | --- | --- |
| THPT | 2022 | A00, A01, D01, D90 | 24 |
| THPT | 2023 | A00, A01, D01, D90 | 23 |
| Học bạ | 2022 | A00, A01, D01, D07 | 25 |
| Học bạ | 2023 | A00, A01, D01, D07 | 25.5 |
| ĐGNL | 2022 | — | 600 |
| ĐGNL | 2023 | — | 650 |

5. Công nghệ kỹ thuật máy tính (7480108)

| **Phương thức** | **Năm** | **Tổ hợp** | **Điểm trúng tuyển** |
| --- | --- | --- | --- |
| THPT | 2022 | A00, A01, D01, D90 | 24 |
| THPT | 2023 | A00, A01, D01, D90 | 23 |
| Học bạ | 2022 | A00, A01, D01, D07 | 23 |
| Học bạ | 2023 | A00, A01, D01, D07 | 24 |
| ĐGNL | 2022 | — | 600 |
| ĐGNL | 2023 | — | 650 |

6. Công nghệ thông tin – Kỹ sư (7480201)

| **Phương thức** | **Năm** | **Tổ hợp** | **Điểm trúng tuyển** |
| --- | --- | --- | --- |
| THPT | 2022 | A00, A01, D01, D90 | 25 |
| THPT | 2023 | A00, A01, D01, D90 | 25.01 |
| Học bạ | 2022 | A00, A01, D01, D07 | 25 |
| Học bạ | 2023 | A00, A01, D01, D07 | 25 |
| ĐGNL | 2022 | — | 600 |
| ĐGNL | 2023 | — | 650 |

7. Công nghệ thông tin – Cử nhân (7480201B)

| **Phương thức** | **Năm** | **Tổ hợp** | **Điểm trúng tuyển** |
| --- | --- | --- | --- |
| THPT | 2022 | A00, A01, D01, D90 | 24 |
| THPT | 2023 | A00, A01, D01, D90 | 23.5 |
| Học bạ | 2022 | A00, A01, D01, D07 | 24.5 |
| Học bạ | 2023 | A00, A01, D01, D07 | 24 |
| ĐGNL | 2022 | — | 600 |
| ĐGNL | 2023 | — | 650 |

8. Trí tuệ nhân tạo – Kỹ sư (7480107)

| **Phương thức** | **Năm** | **Tổ hợp** | **Điểm trúng tuyển** |
| --- | --- | --- | --- |
| THPT | 2022 | A00, A01, D01, D90 | 24 |
| THPT | 2023 | A00, A01, D01, D90 | 25.01 |
| Học bạ | 2022 | A00, A01, D01, D07 | 25 |
| Học bạ | 2023 | A00, A01, D01, D07 | 25 |
| ĐGNL | 2022 | — | 600 |
| ĐGNL | 2023 | — | 650 |

**Lưu ý:**

* Trong mọi phương thức, **không có chênh lệch điểm giữa các tổ hợp**.
* Ưu tiên môn Toán khi đồng điểm.
* Tổ hợp có môn tiếng Anh (D01, D07, D90) xuất hiện nhiều, cho thấy nhà trường chú trọng ngoại ngữ.

**Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2024 – Trường Đại học CNTT & Truyền thông Việt – Hàn (VKU)**

1. **Ngành Quản trị kinh doanh** – Mã ngành 7340101  
   Tổng chỉ tiêu: 120

* Xét kết quả học bạ: 50 chỉ tiêu
* Xét điểm thi tốt nghiệp THPT: 55 chỉ tiêu
* Xét kết quả kỳ thi ĐGNL: 5 chỉ tiêu
* Xét tuyển thẳng theo đề án riêng: 8 chỉ tiêu
* Xét tuyển thẳng theo quy chế Bộ GD&ĐT: 2 chỉ tiêu

1. **Ngành Marketing (Marketing kỹ thuật số)** – Mã ngành 7340115  
   Tổng chỉ tiêu: 80

* Xét học bạ: 34
* Xét điểm THPT: 37
* ĐGNL: 4
* Tuyển sinh riêng: 4
* Tuyển thẳng Bộ GD&ĐT: 1

1. **Ngành Công nghệ kỹ thuật máy tính (chuyên ngành Thiết kế vi mạch bán dẫn)** – Mã ngành 7480108  
   Tổng chỉ tiêu: 80

* Học bạ: 30
* THPT: 38
* ĐGNL: 6
* Tuyển sinh riêng: 5
* Tuyển thẳng Bộ: 1

1. **Ngành Công nghệ thông tin – Kỹ sư** – Mã ngành 7480201  
   Tổng chỉ tiêu: 220

* Học bạ: 90
* THPT: 100
* ĐGNL: 16
* Tuyển sinh riêng: 12
* Tuyển thẳng Bộ: 2

1. **Ngành Công nghệ thông tin – Cử nhân** – Mã ngành 7480201B  
   Tổng chỉ tiêu: 140

* Học bạ: 60
* THPT: 64
* ĐGNL: 10
* Tuyển sinh riêng: 4
* Tuyển thẳng Bộ: 2

1. **Ngành Trí tuệ nhân tạo – Kỹ sư** – Mã ngành 7480107  
   Tổng chỉ tiêu: 160

* Học bạ: 64
* THPT: 74
* ĐGNL: 10
* Tuyển sinh riêng: 10
* Tuyển thẳng Bộ: 2

1. **Ngành An toàn thông tin** – Mã ngành 7480202  
   Tổng chỉ tiêu: 80

* Học bạ: 34
* THPT: 35
* ĐGNL: 6
* Tuyển sinh riêng: 4
* Tuyển thẳng Bộ: 1

1. **Ngành Công nghệ truyền thông (chuyên ngành Thiết kế mỹ thuật số)** – Mã ngành 7320106  
   Tổng chỉ tiêu: 100

* Học bạ: 40
* THPT: 46
* ĐGNL: 8
* Tuyển sinh riêng: 5
* Tuyển thẳng Bộ: 1

**Lưu ý thêm**:

* Tổng số chỉ tiêu năm 2024 là khoảng **980 chỉ tiêu**, phân bổ linh hoạt tùy theo phương thức.
* Số liệu này có thể được cập nhật bởi nhà trường tùy tình hình thực tế và hướng dẫn tuyển sinh từ Bộ GD&ĐT.

**Học phí năm học 2024 tại VKU**

* Học phí hệ đại trà năm 2024: **11.700.000 đồng/năm học**
* Cam kết: **không tăng học phí trong toàn khóa học**
* Học phí được tính theo tín chỉ (khoảng 350.000 – 400.000 đồng/tín chỉ)

📌 Miễn/giảm học phí theo quy định nhà nước:

* Áp dụng cho các đối tượng chính sách như: con thương binh, hộ nghèo, dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa, người khuyết tật,…

**🎓 Chính sách học bổng năm 2024**

VKU có nhiều loại học bổng dành cho tân sinh viên:

1. **Học bổng tuyển sinh** (trao khi nhập học):

* Đạt **giải quốc gia**, giải nhất/nhì HSG cấp tỉnh: **học bổng toàn phần 100% học phí năm 1**
* Điểm xét tuyển từ **26 điểm trở lên** (kỳ thi THPT): **miễn 100% học phí học kỳ 1**
* Điểm xét tuyển từ **24 đến dưới 26 điểm**: **miễn 50% học phí học kỳ 1**
* Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IELTS 5.0 trở lên): **tặng 1 triệu đồng**

1. **Học bổng khuyến học theo học kỳ**:

* Sinh viên đạt GPA học kỳ ≥ 3.2 có cơ hội nhận học bổng bán phần hoặc toàn phần.
* Quỹ học bổng từ các doanh nghiệp đối tác tài trợ.

1. **Học bổng vượt khó**:

* Dành cho sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt, được xét định kỳ theo từng năm học.

**🧭 Cam kết đầu ra – việc làm sau tốt nghiệp**

* **Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp: trên 94%** (năm gần nhất).
* Một số ngành như **CNTT, Kỹ thuật máy tính, Trí tuệ nhân tạo, An toàn thông tin** có tỷ lệ việc làm **gần như 100%**.
* Sinh viên ngành kỹ sư, công nghệ thường được tuyển ngay khi còn học năm cuối.
* Nhà trường tổ chức **ngày hội việc làm định kỳ mỗi năm** với hàng chục doanh nghiệp tuyển dụng tại chỗ.

**🤝 Hợp tác doanh nghiệp – học kỳ doanh nghiệp**

VKU có hơn **100 doanh nghiệp đối tác chiến lược**, gồm cả trong và ngoài nước, tiêu biểu:

* Tập đoàn LG, Samsung, Hyundai, LG Display, Hanon Systems
* Công ty phần mềm: FPT Software, Axon Active, Rikkeisoft, VNPT IT,...
* Doanh nghiệp Hàn Quốc tại Khu Công nghệ cao Đà Nẵng và miền Trung

**Chương trình học kỳ doanh nghiệp**:

* Áp dụng cho sinh viên năm 3 và năm 4.
* Học trực tiếp tại doanh nghiệp trong 3 – 6 tháng.
* Có lương hỗ trợ từ doanh nghiệp (2 – 8 triệu/tháng tùy năng lực).
* Được ưu tiên giữ lại làm việc sau tốt nghiệp nếu thể hiện tốt.

**🇰🇷 Mô hình đào tạo theo chuẩn Hàn Quốc**

VKU được xây dựng và hỗ trợ phát triển theo mô hình đại học Hàn Quốc với các đặc điểm nổi bật:

* **Kỷ luật – công nghệ – thực tiễn**: chương trình đào tạo gắn với thực hành doanh nghiệp.
* **Giảng đường thông minh**: trang bị thiết bị hiện đại, môi trường học tập số hóa.
* **Đội ngũ giảng viên trẻ – năng động – học vị cao**: nhiều giảng viên tốt nghiệp tại Hàn Quốc, châu Âu, Mỹ,...
* **Cơ hội trao đổi sinh viên với các đại học đối tác tại Hàn Quốc và Nhật Bản**.
* **Tư duy sáng tạo – kỹ năng mềm – ngoại ngữ** được đưa vào giảng dạy như học phần chính thức.

Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn (VKU), thuộc Đại học Đà Nẵng, mã trường: **VKU**, có trụ sở tại Khu Đô thị Đại học, P. Hòa Quý, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng. Website tuyển sinh: <http://tuyensinh.vku.udn.vn>.

**1. Phương thức tuyển sinh năm 2024**

VKU sử dụng 5 phương thức tuyển sinh:

* **Phương thức 1:** Xét tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD&ĐT (mã phương thức 301).
* **Phương thức 2:** Xét tuyển thẳng theo đề án riêng của VKU (mã 303) gồm 8 nhóm đối tượng.
* **Phương thức 3:** Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) – mã 304.
* **Phương thức 4:** Xét kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực ĐHQG TP.HCM – mã 402.
* **Phương thức 5:** Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT – mã 406.

**2. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (ngưỡng sàn)**

* Xét học bạ, thi THPT: **Tổng điểm 3 môn ≥ 15 (gồm ưu tiên)**.
* Xét tuyển thẳng theo đề án riêng: **Tổng điểm 3 môn ≥ 21 (không gồm ưu tiên)**.
* ĐGNL ĐHQG TP.HCM: **Từ 600 điểm trở lên (không gồm ưu tiên)**.

**3. Tổ hợp môn xét tuyển chung cho tất cả các ngành**

* A00: Toán – Lý – Hóa
* A01: Toán – Lý – Tiếng Anh
* D01: Toán – Văn – Tiếng Anh
* D07: Toán – Hóa – Tiếng Anh
* D90: Toán – Khoa học tự nhiên – Tiếng Anh  
  → Ưu tiên môn **Toán** khi xét điểm bằng nhau giữa các thí sinh.

**4. Mức điểm trúng tuyển năm 2022 và 2023 (chung cho các tổ hợp A00, A01, D01, D07, D90)**

* **Ngành Công nghệ thông tin (kỹ sư):**
  + THPT: 2022 – 25 điểm | 2023 – 25.01 điểm
  + Học bạ: 2022 – 25 điểm | 2023 – 25 điểm
  + ĐGNL: 2022 – 600 | 2023 – 650
* **Ngành Công nghệ thông tin (cử nhân):**
  + THPT: 2022 – 24 điểm | 2023 – 23.5 điểm
  + Học bạ: 2022 – 24.5 điểm | 2023 – 24 điểm
  + ĐGNL: 2022 – 600 | 2023 – 650
* **Ngành Trí tuệ nhân tạo (kỹ sư):**
  + THPT: 2022 – 24 điểm | 2023 – 25.01 điểm
  + Học bạ: 2022 – 25 điểm | 2023 – 25 điểm
  + ĐGNL: 2022 – 600 | 2023 – 650
* **Ngành Quản trị kinh doanh:**
  + THPT: 2022 – 24 điểm | 2023 – 23 điểm
  + Học bạ: 2022 – 24 điểm | 2023 – 24.5 điểm
  + ĐGNL: 2022 – 600 | 2023 – 650

(Các ngành khác cũng có dữ liệu chi tiết, nếu cần tiếp, nhắn “tiếp theo” để mình xử lý phần đó.)

**5. Chỉ tiêu tuyển sinh theo phương thức và ngành (năm 2024)**

* **Công nghệ thông tin (kỹ sư)** – Mã ngành 7480201:
  + Tuyển thẳng (Bộ): 6
  + Tuyển thẳng theo đề án VKU: 64
  + Học bạ: 106
  + ĐGNL: 16
  + Thi THPT: 128
* **Quản trị kinh doanh** – Mã ngành 7340101:
  + Tuyển thẳng (Bộ): 2
  + Tuyển thẳng đề án VKU: 24
  + Học bạ: 40
  + ĐGNL: 6
  + Thi THPT: 48
* **Marketing** – Mã ngành 7340115:
  + Tuyển thẳng (Bộ): 1
  + Tuyển thẳng đề án VKU: 8
  + Học bạ: 13
  + ĐGNL: 2
  + Thi THPT: 16

(Còn rất nhiều ngành khác như An toàn thông tin, Kỹ thuật máy tính, Công nghệ truyền thông, Thiết kế vi mạch,… nếu bạn cần đầy đủ tất cả, nhắn “tiếp theo” để mình trả tiếp.)

**6. Điểm quy đổi ưu tiên cho các nhóm xét tuyển riêng (thang 300)**

* HSG Quốc gia, Olympia vòng tuần, SAT ≥1200, ACT ≥26, A-Level ≥80, IELTS ≥5.0: từ 245 – 300 điểm
* HSG cấp tỉnh/thành phố, Olympic 30/4: từ 240 – 300 điểm
* Học sinh chuyên Toán, Lý, Hóa, Tin, Văn, Anh (điểm TB môn chuyên lớp 10, 11 ≥ 8.0): 275 điểm
* Học lực giỏi 2 năm THPT: 260 điểm
* Đạt giải Olympic Tin học VKU: từ 265 – 300 điểm

**Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2024 – Phần tiếp theo các ngành**

**Ngành Công nghệ kỹ thuật máy tính (chuyên ngành Thiết kế vi mạch bán dẫn) – Mã ngành: 7480108**

Tổng chỉ tiêu: 80

* Xét tuyển thẳng theo quy chế Bộ GD&ĐT: 1
* Xét tuyển thẳng theo đề án VKU: 5
* Xét học bạ THPT: 30
* Xét kết quả ĐGNL: 6
* Xét kết quả kỳ thi THPT: 38

**Ngành Công nghệ thông tin (cử nhân) – Mã ngành: 7480201B**

Tổng chỉ tiêu: 140

* Tuyển thẳng theo Bộ GD&ĐT: 2
* Tuyển thẳng theo đề án riêng: 4
* Xét học bạ: 60
* Xét ĐGNL: 10
* Xét thi THPT: 64

**Ngành Trí tuệ nhân tạo (kỹ sư) – Mã ngành: 7480107**

Tổng chỉ tiêu: 160

* Tuyển thẳng theo Bộ: 2
* Tuyển thẳng theo đề án: 10
* Học bạ: 64
* ĐGNL: 10
* Thi THPT: 74

**Ngành An toàn thông tin – Mã ngành: 7480202**

Tổng chỉ tiêu: 80

* Tuyển thẳng Bộ GD&ĐT: 1
* Tuyển thẳng đề án VKU: 4
* Học bạ: 34
* ĐGNL: 6
* THPT: 35

**Ngành Công nghệ truyền thông (chuyên ngành Thiết kế mỹ thuật số) – Mã ngành: 7320106**

Tổng chỉ tiêu: 100

* Tuyển thẳng Bộ GD&ĐT: 1
* Tuyển thẳng theo đề án: 5
* Học bạ: 40
* ĐGNL: 8
* THPT: 46

**📝 Ghi chú thêm:**

* Tổng cộng, toàn trường tuyển sinh khoảng **1200 chỉ tiêu** trong năm 2024.
* Mỗi phương thức xét tuyển đều được phân bổ cụ thể để đảm bảo cơ hội cho nhiều nhóm thí sinh khác nhau.
* Một số ngành có **chỉ tiêu xét tuyển học bạ và THPT cao** như: Công nghệ thông tin – kỹ sư, Trí tuệ nhân tạo, Quản trị kinh doanh.
* Các ngành công nghệ và kỹ thuật thường có chỉ tiêu ĐGNL và tuyển thẳng đề án VKU cao hơn so với khối ngành kinh tế – xã hội.

**Mô hình đào tạo theo chuẩn Hàn Quốc**

VKU là trường đại học công lập trực thuộc Đại học Đà Nẵng, phát triển theo mô hình đại học Hàn Quốc với sự hỗ trợ từ Chính phủ Hàn Quốc. Mô hình này giúp sinh viên được tiếp cận nền giáo dục hiện đại, thực tiễn và định hướng nghề nghiệp rõ ràng.

* **Chương trình đào tạo**: thiết kế theo hướng ứng dụng, tích hợp công nghệ – doanh nghiệp – đổi mới sáng tạo.
* **Phương pháp đào tạo**: theo tín chỉ, linh hoạt theo năng lực cá nhân.
* **Chuẩn đầu ra**: có kỹ năng nghề nghiệp, ngoại ngữ (đặc biệt là tiếng Anh, Hàn), tư duy sáng tạo, và năng lực hội nhập toàn cầu.

**🎯 Lộ trình học và môi trường học tập thực tiễn – linh hoạt**

* Năm 1: sinh viên được học các kỹ năng nền tảng: kỹ năng số, tư duy phản biện, học tập đại học, ngoại ngữ và các học phần đại cương.
* Từ năm 2: bắt đầu đi sâu vào chuyên ngành theo hướng công nghệ, kinh tế – quản trị hoặc truyền thông số.
* Từ năm 3: có thể tham gia **học kỳ doanh nghiệp** – học thực tế tại công ty đối tác của VKU trong và ngoài nước.
* Năm cuối: thực hiện **đồ án tốt nghiệp gắn với bài toán thực tế**, có thể được doanh nghiệp bảo trợ và đánh giá.

**🤝 Hợp tác với doanh nghiệp và cơ hội việc làm**

VKU ký kết hợp tác với hơn **100 doanh nghiệp**, trong đó có nhiều tập đoàn công nghệ Hàn Quốc và Việt Nam.  
Một số đối tác tiêu biểu:

* **Tập đoàn LG**, Samsung, Hanon Systems, FPT Software, VNPT IT, Axon Active,...
* Các công ty tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng, Chu Lai, KCN Hòa Khánh, Đà Nẵng ICT,...

**Học kỳ doanh nghiệp**:

* Triển khai từ năm 3 trở đi.
* Sinh viên thực tập 3–6 tháng tại doanh nghiệp, có hỗ trợ chi phí từ 2–8 triệu/tháng.
* Sau kỳ thực tập, sinh viên có thể được nhận vào làm chính thức nếu đáp ứng năng lực.

**Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp trong 12 tháng**: **trên 94%**, một số ngành đạt gần **100%**.

**🏫 Cơ sở vật chất – Môi trường học tập quốc tế – Học phí phù hợp**

* Ký túc xá hiện đại, khuôn viên rộng rãi, tọa lạc trong khu Đô thị Đại học Đà Nẵng.
* Giảng đường thông minh, thư viện số, phòng lab máy tính, thiết bị giảng dạy đạt chuẩn quốc tế.
* Học phí ổn định: **11.700.000 đồng/năm học**, **không tăng học phí trong toàn khóa**.
* Chính sách học bổng tuyển sinh lên đến **100% học phí năm đầu** cho thí sinh có thành tích học tập, điểm cao hoặc đạt giải thưởng.

**Thông tin chung về Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn (VKU)**

* **Tên đầy đủ:** Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn
* **Tên tiếng Anh:** Vietnam-Korea University of Information and Communication Technology
* **Tên viết tắt:** VKU
* **Mã trường:** VKU
* **Thành viên:** Đại học Đà Nẵng
* **Địa chỉ trụ sở chính:** Khu Đô thị Đại học, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
* **Tổng diện tích đất sử dụng:** 23.5 ha
* **Tổng vốn đầu tư xây dựng:** hơn 1.000 tỷ đồng và 16,2 triệu USD tài trợ từ Chính phủ Hàn Quốc
* **Cơ sở vật chất gồm:**
  + 60 phòng học lý thuyết
  + 33 phòng thực hành máy tính (1877 máy tính)
  + Thư viện có sức chứa 1000 người, hơn 50.000 đầu sách
  + Ký túc xá: 4 khối nhà, tổng cộng **443 phòng** – đáp ứng **3.336 chỗ ở sinh viên**
  + Trung tâm thể thao, hội trường, khu dịch vụ ngân hàng, bưu điện…

**📞 Thông tin liên hệ – Điện thoại – Email – Website**

* **Website tuyển sinh chính thức:** <https://tuyensinh.vku.udn.vn>
* **Website chính thức:** <https://vku.udn.vn>
* **Email chung:** contact@vku.udn.vn
* **Fanpage chính thức:** [facebook.com/vku.udn.vn](https://facebook.com/vku.udn.vn)

**☎️ Các phòng ban và bộ phận hỗ trợ sinh viên**

**Phòng Đào tạo**

* Email: daotao@vku.udn.vn
* Fanpage: facebook.com/daotao.vku.udn.vn
* Điện thoại: (0236) 3667 113
* Địa chỉ: Tầng 1, phòng A103, khu V – đường Huỳnh Văn Nghệ nối dài

**Phòng Công tác sinh viên**

* Email: congtacsinhvien@vku.udn.vn
* Fanpage: facebook.com/ctsv.vku.udn.vn
* Điện thoại: (0236) 3667 129
* Địa chỉ: Phòng A105 – khu V – Đường Huỳnh Văn Nghệ nối dài
* Người liên hệ: cô Thùy Linh / cô Nguyễn Thị Nga
* Hotline hỗ trợ chính sách: 0236.3667129 – 02363.962889 (giờ hành chính)

**Phòng Kế hoạch – Tài chính**

* Email: kehoachtaichinh@vku.udn.vn
* Điện thoại: (0236) 3667 114
* Địa chỉ: Phòng A107 – khu V – Đường Huỳnh Văn Nghệ nối dài

**Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục**

* Email: kt\_dbclgd@vku.udn.vn
* Điện thoại: (0236) 6277 868
* Địa chỉ: Phòng A111 – khu V

**Phòng Tổ chức – Hành chính:**

* Email: hanhchinh@vku.udn.vn
* Điện thoại: (0236) 3667 117
* Phòng A101 – A102 – khu V

**📚 Các khoa đào tạo chính**

**Khoa Khoa học máy tính**

* Email: cs@vku.udn.vn
* Website: <https://cs.vku.udn.vn>
* Fanpage: facebook.com/cs.vku.udn.vn
* Văn phòng: Phòng B104 – khu V

**Khoa Kỹ thuật máy tính và Điện tử**

* Email: ce@vku.udn.vn
* Website: <https://ce.vku.udn.vn>
* Fanpage: facebook.com/ce.vku.udn.vn
* Văn phòng: Phòng B103 – khu V

**Khoa Kinh tế số và Thương mại điện tử**

* Email: de@vku.udn.vn
* Website: <https://de.vku.udn.vn>
* Fanpage: facebook.com/de.vku.udn.vn
* Điện thoại: 02363.962.360
* Văn phòng: Giảng đường D1 – khu K – số 470 đường Trần Đại Nghĩa

**Các trung tâm – bộ phận chức năng hỗ trợ sinh viên tại VKU**

**Trung tâm Ngoại ngữ – Tin học (CEIT)**

* Chức năng: tổ chức đào tạo và cấp chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Anh, Hàn, Nhật)
* Địa điểm: Khu K – tầng trệt Giảng đường D1
* Fanpage: [facebook.com/ceit.vku](https://facebook.com/ceit.vku)
* Email: ceit@vku.udn.vn
* Website: https://ceit.vku.udn.vn
* Hotline: 02363.962.886

**Trung tâm Công nghệ thông tin (ITC)**

* Chức năng: quản lý hệ thống công nghệ, đảm bảo kết nối học tập trực tuyến, triển khai hệ thống phần mềm nội bộ
* Địa chỉ: Phòng A110 – khu V
* Email: itc@vku.udn.vn
* Fanpage: facebook.com/itc.vku.udn.vn
* Website: https://itc.vku.udn.vn
* Hotline: 02363.962.886

**Trung tâm Học liệu và Truyền thông (LRC)**

* Chức năng: quản lý thư viện, cung cấp tài nguyên học liệu in – số, hỗ trợ truyền thông sinh viên
* Địa chỉ: Thư viện – Khu K – Trường VKU
* Email: lrc@vku.udn.vn
* Fanpage: facebook.com/lrc.vku.udn.vn
* Website: https://lrc.vku.udn.vn
* Hotline: 02363.962.886

**Phòng Ký túc xá VKU**

* Chức năng: quản lý sinh hoạt, đăng ký – bố trí chỗ ở nội trú, an ninh – vệ sinh ký túc
* Địa chỉ: Ban quản lý KTX – khu Ký túc xá VKU
* Fanpage: facebook.com/ktx.vku.udn.vn
* Hotline đăng ký – hỗ trợ sinh viên: 0905.111.024 – 0968.478.722

**Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ sinh viên (CSSC)**

* Vai trò: hỗ trợ học bổng, giới thiệu việc làm, kỹ năng mềm, hỗ trợ tâm lý và hướng nghiệp
* Địa chỉ: Phòng A109 – khu V
* Email: cssc@vku.udn.vn
* Fanpage: facebook.com/cssc.vku.udn.vn
* Hotline: 02363.962.886

**🌐 Hệ thống công nghệ – nền tảng số hóa tại VKU**

* **Hệ thống đào tạo LMS:** quản lý học liệu, bài giảng, bài tập, điểm số – địa chỉ: http://lms.vku.udn.vn
* **Email sinh viên:** cung cấp theo định dạng @vku.udn.vn
* **Cổng thông tin đào tạo:** đăng ký học phần, tra cứu điểm: <http://daotao.vku.udn.vn>
* **Cổng khảo sát sinh viên:** http://khaosat.vku.udn.vn

**🌍 Hợp tác quốc tế – trao đổi sinh viên**

VKU có mạng lưới hợp tác với nhiều trường đại học tại:

* **Hàn Quốc:** Đại học Soongsil, Yeungnam, Chosun, Chungbuk,...
* **Nhật Bản:** Tokyo University of Technology, University of Electro-Communications,...
* **Châu Âu và Đông Nam Á:** thông qua các chương trình Erasmus+, AIMS, SEED Canada,...

Sinh viên VKU có thể:

* Tham gia chương trình trao đổi 1 học kỳ
* Du học chuyển tiếp 2+2 hoặc 3+1
* Học các chương trình liên kết quốc tế toàn phần hoặc bán phần

Thông tin liên hệ Phòng Khoa học – Hợp tác quốc tế (R&I):

* Email: ri@vku.udn.vn
* Fanpage: facebook.com/ri.vku.udn.vn
* Văn phòng: Phòng A112 – khu V

**Lãnh đạo Trường Đại học CNTT & Truyền thông Việt – Hàn (VKU)**

* **Chủ tịch Hội đồng trường:** PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình
* **Hiệu trưởng:** PGS.TS. Huỳnh Công Pháp
* **Phó Hiệu trưởng:** TS. Trần Thế Sơn

**🏛️ Tổ chức đoàn thể**

* **Chủ tịch Công đoàn trường:** ThS. Trần Đình Sơn
* **Bí thư Đoàn Thanh niên:** ThS. Nguyễn Văn Hưng

 **Lịch sử hình thành và phát triển VKU**

* Quá trình thành lập từ chủ trương của Chính phủ, Bộ GD&ĐT, UBND TP Đà Nẵng từ năm 2017
* Mục tiêu hình thành VKU là để phục vụ định hướng phát triển thành Đà Nẵng thành trung tâm CNTT quốc gia
* Liên kết chiến lược giữa Chính phủ Việt Nam và Hàn Quốc

 **Sứ mệnh – Tầm nhìn – Triết lý giáo dục – Hệ giá trị cốt lõi**

* Sứ mệnh: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức về CNTT, truyền thông, kinh tế số
* Tầm nhìn: Trở thành trường đại học định hướng ứng dụng hàng đầu cả nước trong lĩnh vực CNTT, truyền thông, kinh tế số
* Giá trị cốt lõi: Đức – Trí – Thể – Mỹ; Uy tín – Chất lượng – Chuyên nghiệp; Kế thừa – Đổi mới – Sáng tạo
* Triết lý giáo dục: Nhân bản – Phụng sự – Khai phóng

 **Thành tích nổi bật – Công bố khoa học – Đề tài nghiên cứu**

* Hơn 1.000 bài báo khoa học trong nước và quốc tế
* Trên 100 đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ các cấp
* Gần 10 dự án hợp tác quốc tế về đổi mới sáng tạo, startup với đối tác châu Âu, Mỹ, Hàn Quốc

 **Quy mô đào tạo và chương trình đào tạo hiện có**

* Tổng số sinh viên: 3.200
* Số chương trình đào tạo: 15 ngành/chuyên ngành đại học
* Gồm các ngành: CNTT, Trí tuệ nhân tạo, Mỹ thuật số, Kỹ thuật máy tính, Mạng & An toàn thông tin, Quản trị kinh doanh, Logistics, Du lịch – Lữ hành số, Công nghệ tài chính, Digital Marketing,…

THÔNG TIN TỔ CHỨC & LIÊN HỆ – TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT – HÀN (VKU)

📌 BAN GIÁM HIỆU & ĐOÀN THỂ

- Chủ tịch Hội đồng Trường: PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình

- Hiệu trưởng: PGS.TS. Huỳnh Công Pháp

- Phó Hiệu trưởng: TS. Trần Thế Sơn

- Chủ tịch Công đoàn: ThS. Trần Đình Sơn

- Bí thư Đoàn thanh niên: ThS. Nguyễn Văn Hưng

📌 CÁC ĐƠN VỊ QUẢN LÝ & CHỨC NĂNG

1. Phòng Đào tạo

- Email: daotao@vku.udn.vn | Web: https://daotao.vku.udn.vn | Facebook: facebook.com/daotao.vku.udn.vn

- Điện thoại: (0236) 3667 113

- Địa điểm: Tầng 1, Phòng A.103, Khu V, Huỳnh Văn Nghệ nối dài

2. Phòng Công tác sinh viên (CTSV)

- Email: congtacsinhvien@vku.udn.vn | Facebook: facebook.com/ctsv.vku.udn.vn

- Điện thoại: (0236) 3667 129

- Địa điểm: Tầng 1, Phòng A.105, Khu V

- Chuyên viên phụ trách chính sách: cô Nguyễn Thị Nga

3. Phòng Tổ chức – Hành chính

- Email: hanhchinh@vku.udn.vn | Web: https://hanhchinh.vku.udn.vn

- Điện thoại: (0236) 3667 117

- Địa điểm: Phòng 101-102, Giảng đường A

4. Phòng Kế hoạch – Tài chính

- Email: kehoachtaichinh@vku.udn.vn

- Điện thoại: (0236) 3667 114

- Địa điểm: Phòng A.107

5. Phòng Khảo thí & ĐBCLGD

- Email: kt\_dbclgd@vku.udn.vn

- Điện thoại: (0236) 6277 868

- Địa điểm: Phòng A.111

6. Phòng Thanh tra – Pháp chế

- Email: thanhtraphapche@vku.udn.vn

- Địa điểm: Phòng A.111

7. Phòng KHCN & Hợp tác quốc tế

- Email: khcn\_htqt@vku.udn.vn | Điện thoại: 0236.3962972

- Địa điểm: Tầng 2, Phòng A.205

8. Trung tâm Học liệu và Truyền thông

- Email: lib@vku.udn.vn | Điện thoại: 0236.3962377

- Địa điểm: Tòa nhà Thư viện, Khu K

9. Trung tâm CNTT – Quản trị & Phát triển CNTT

- Địa điểm: E1.102, Khu K

10. Đoàn Thanh niên

- Email: doanthanhnien@vku.udn.vn | Facebook: facebook.com/tuoitrevku | Web: https://yu.vku.udn.vn

- Điện thoại: 0236.3667191

- Địa điểm: E1.101, Khu K

11. Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học

- Email: flic@vku.udn.vn | Facebook: facebook.com/flic.vku.udn.vn

- Địa điểm: E1.103, Khu K

12. Tổ KTX & Phục vụ cộng đồng

- Web: http://kytucxa.vku.udn.vn/ | Email: ktx@vku.udn.vn | Facebook: facebook.com/KTXVKU

- Địa điểm: Ký túc xá sinh viên, Khu K

📌 LIÊN HỆ HỖ TRỢ SINH VIÊN

- Đào tạo: Đăng ký môn học, thời khóa biểu, bảng điểm, học lại, miễn giảm học phần, xác nhận tốt nghiệp, chuyển ngành, học song ngành, cấp văn bằng...

- Công tác SV: Miễn giảm học phí, học bổng, xác nhận sinh viên, BHYT, thẻ SV, ngoại trú, khen thưởng – kỷ luật, hoạt động ngoại khóa

- KHTC: Thu/hoàn học phí, xác nhận biên lai, khen thưởng, hỗ trợ cán sự lớp

- Khảo thí: Lịch thi, điểm thi, phúc khảo, thi lại, thi tốt nghiệp

- Thanh tra: Khiếu nại, tiếp dân, xử lý phản ánh bức xúc

- KHCN-HTQT: NCKH sinh viên, đề tài, hợp tác quốc tế, xác nhận NCKH

- Thư viện: Hướng dẫn tra cứu tài liệu, thẻ thư viện, xử lý vi phạm

- Đoàn TN: Tư vấn việc làm, nhà trọ, phong trào, hỗ trợ cá nhân

**Thông tin chung**

* **Tên trường**: Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, Đại học Đà Nẵng
* **Tên tiếng Anh**: Vietnam - Korea University of Information and Communication Technology
* **Tên viết tắt**: VKU
* **Website**: <https://vku.udn.vn>
* **Email liên hệ**: contact@vku.udn.vn
* **Số điện thoại liên hệ**: (0236) 655 2688
* **Địa chỉ**: Khu Đô thị Đại học Đà Nẵng, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

**2. Sơ lược về quá trình hình thành và phát triển**

Trường được thành lập theo Quyết định số 709/QĐ-TTg ngày 03/06/2019 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở tổ chức lại Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông thuộc Đại học Đà Nẵng.

VKU là một trong những trường đại học công lập, tự chủ, đào tạo theo định hướng ứng dụng, chuyên sâu về Công nghệ thông tin (CNTT), Kỹ thuật máy tính và Truyền thông số, đáp ứng xu thế cách mạng công nghiệp 4.0.

**3. Cơ cấu tổ chức**

**BAN GIÁM HIỆU:**

* **Hiệu trưởng**: PGS.TS. Huỳnh Công Pháp
* **Phó Hiệu trưởng**: TS. Trần Thế Sơn

**HỘI ĐỒNG TRƯỜNG:**

* **Chủ tịch Hội đồng Trường**: PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình

**CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:**

* Phòng Đào tạo
* Phòng Công tác sinh viên
* Phòng Kế hoạch - Tài chính
* Phòng Tổ chức - Hành chính
* Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
* Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế
* Trung tâm Học liệu và Truyền thông
* Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông
* Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
* Tổ Ký túc xá và Phục vụ cộng đồng

**4. Các ngành đào tạo**

Trường đào tạo các ngành:

* Công nghệ thông tin (kỹ sư, cử nhân)
* Trí tuệ nhân tạo
* Kỹ thuật phần mềm
* An toàn thông tin
* Thiết kế Mỹ thuật số
* Công nghệ kỹ thuật máy tính
* Quản trị kinh doanh số
* Marketing số
* Thương mại điện tử
* Du lịch và lữ hành số
* Logistics và chuỗi cung ứng số

Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng tiếp cận thực tiễn, có sự hợp tác với các doanh nghiệp lớn và các trường đại học Hàn Quốc.

**5. Quy mô, đội ngũ giảng viên**

* Đội ngũ giảng viên gồm hơn 100 người, trong đó:
  + **40% có học vị Tiến sĩ**
  + Nhiều giảng viên tốt nghiệp từ các nước phát triển: Hàn Quốc, Nhật Bản, Đức, Mỹ...
* **Cán bộ quản lý**: 20+
* **Chuyên viên kỹ thuật, hỗ trợ đào tạo**: hơn 30 người

**6. Cơ sở vật chất**

* Hệ thống giảng đường khang trang, phòng học hiện đại, được trang bị máy lạnh, trình chiếu.
* Thư viện điện tử, trung tâm học liệu với hàng ngàn đầu sách, truy cập CSDL học thuật miễn phí.
* Phòng thực hành: mạng máy tính, lập trình, phần mềm, đồ họa, hệ thống nhúng, IoT.
* Ký túc xá khang trang, sức chứa hơn 500 sinh viên, có wifi, sân thể thao.

**7. Hợp tác quốc tế**

* Ký kết hợp tác với hơn 30 trường đại học và tổ chức quốc tế, đặc biệt là từ Hàn Quốc.
* Chương trình trao đổi sinh viên, giảng viên, học bổng Hàn Quốc.
* Nhiều dự án hợp tác quốc tế như KOICA, NIPA, Samsung.

**8. Cơ hội việc làm**

* **Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp**: đạt trên 92%
* Sinh viên được hỗ trợ thực tập, việc làm từ năm 2.
* Hợp tác với các doanh nghiệp lớn: FPT, Axon Active, LG, Gameloft, VNPT, v.v.

**9. Kết nối doanh nghiệp**

* Có **trung tâm kết nối doanh nghiệp** hỗ trợ sinh viên thực tập, tuyển dụng.
* Tổ chức thường niên: Ngày hội việc làm, Talkshow cùng doanh nghiệp, Hackathon, Workshop kỹ năng.

**10. Kênh liên hệ – hỗ trợ thí sinh**

* **Phòng Đào tạo**  
  Email: daotao@vku.udn.vn | SĐT: (0236) 3667 113  
  Website: <https://daotao.vku.udn.vn>  
  Facebook: facebook.com/daotao.vku.udn.vn
* **Phòng Công tác Sinh viên**  
  Email: congtacsinhvien@vku.udn.vn | SĐT: (0236) 3667 129  
  Facebook: facebook.com/ctsv.vku.udn.vn
* **Tư vấn tuyển sinh**  
  Fanpage: facebook.com/tuyensinhvku  
  Website: <http://tuyensinh.vku.udn.vn>  
  Hotline: 0934.808.897 – 0935.122.567

**THÔNG TIN CHUNG**

* **Tên ngành**: Công nghệ thông tin
* **Tên tiếng Anh**: Information Technology
* **Trình độ**: Đại học chính quy
* **Mã ngành**: 7840201
* **Thời gian đào tạo**: 4,5 năm (9 học kỳ)
* **Số tín chỉ yêu cầu**: 152
* **Văn bằng**: Kỹ sư Công nghệ thông tin
* **Chuẩn ngoại ngữ**: TOEIC ≥ 500 hoặc tương đương B1

**B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC – TẦM NHÌN – SỨ MẠNG**

* **Triết lý giáo dục**: “Nhân bản – Phụng sự – Khai phóng”
* **Tầm nhìn**: Trở thành trường đại học ứng dụng hàng đầu trong CNTT – Truyền thông – Kinh tế số
* **Sứ mạng**: Đào tạo nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ phục vụ xã hội

**C. MỤC TIÊU & CHUẨN ĐẦU RA**

**Mục tiêu:**

* Có đạo đức, trách nhiệm xã hội
* Kiến thức nền tảng và chuyên sâu về CNTT
* Kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện, khởi nghiệp
* Giao tiếp tốt, sử dụng ngoại ngữ thành thạo
* Có khả năng thiết kế – phát triển phần mềm – hệ thống

**Chuẩn đầu ra:**

Tùy theo **định hướng chuyên ngành**, SV có khả năng:

* Lập trình, thiết kế phần mềm
* Quản trị mạng – bảo mật – an ninh thông tin
* Thiết kế đồ họa, truyền thông đa phương tiện
* Xử lý dữ liệu – AI – thị giác máy tính
* Xây dựng hệ thống IoT – Robot thông minh

**D. CƠ HỘI VIỆC LÀM SAU TỐT NGHIỆP**

* Tỷ lệ việc làm sau tốt nghiệp: **trên 92%**
* Vị trí nghề nghiệp:
  + Lập trình viên, kiểm thử phần mềm
  + Chuyên viên bảo mật, an toàn hệ thống
  + Thiết kế truyền thông số, đồ họa, Game, phim hoạt hình
  + Kỹ sư nhúng, robot, IoT
  + Nhà phân tích dữ liệu, AI Engineer, chuyên viên học máy
* Có khả năng khởi nghiệp hoặc học lên cao học trong/ngoài nước

**E. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH HỌC**

* **Tổng tín chỉ**: 152  
  Bao gồm:
  + Đại cương: 37 tín chỉ
  + Cơ sở ngành: 50 tín chỉ
  + Bổ trợ: 8 tín chỉ
  + Chuyên ngành: 44 tín chỉ
  + Đồ án + Thực tập: 13 tín chỉ
* Học kỳ 1–4: Kiến thức nền tảng
* Học kỳ 5–8: Kiến thức chuyên ngành
* Học kỳ 9: Thực tập + đồ án tốt nghiệp

**F. CÁC ĐỊNH HƯỚNG CHUYÊN NGÀNH**

**1. Kỹ thuật phần mềm**

* Thiết kế phần mềm, kiểm thử, dự án
* Lập trình hệ thống, điện toán đám mây, lập trình đa nền tảng

**2. Truyền thông đa phương tiện**

* Thiết kế 2D/3D, phim số, hoạt hình, giao diện UX/UI
* Lập trình Game, biên tập phim, truyền thông số

**3. Mạng & An toàn thông tin**

* Quản trị hệ thống, bảo mật mạng, phân tích mã độc
* Thiết kế hệ thống mạng thông minh

**4. Thiết kế mỹ thuật số**

* Nhận diện thương hiệu, ấn phẩm quảng cáo
* Thiết kế truyện tranh, phim hoạt hình

**5. Khoa học dữ liệu & AI**

* Học máy, học sâu, trực quan hóa dữ liệu, NLP
* Xây dựng hệ thống thông minh, xử lý dữ liệu lớn

**6. IoT & Robotics**

* Vi điều khiển, xử lý tín hiệu, thiết kế mạch, Robot
* Lập trình hệ nhúng, thị giác máy tính, cảm biến